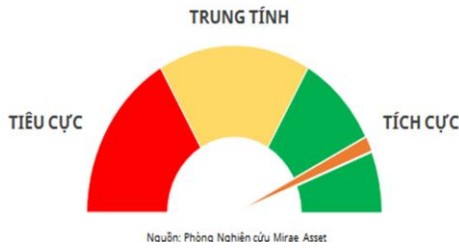


Thang đo sức mạnh thị trường



# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,352.76	0.15	4.15	48.25
HNX	361.02	-0.66	7.82	172.18
UPCOM	98.37	0.74	7.56	61.37
MSCI EM	1,262.79	0.11	2.04	17.17
NIKKEI	29,639.40	-0.67	7.80	26.95
HANG SENG	24,510.98	1.19	-1.36	3.35
KOSPI	3,127.58	-0.41	2.19	29.65
FTSE	7,122.20	0.55	0.19	20.73
S&P 500	4,395.64	0.95	-1.87	35.80
NASDAQ	14,896.85	1.02	-0.31	40.10

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.44	2.61	16.08
SET INDEX	20.12	1.77	7.56
JCI INDEX	24.27	1.50	-1.56
PCOMP INDEX	23.18	1.69	7.53

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.90	2	6	-51
10 năm	2.11	2	3	-67

### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,766	-0.06	0.28	1.80
US\$/KRW	1,176	-0.03	-0.15	-0.97
US\$/JPY	110	-0.18	-0.25	-4.17
US\$/EUR	0.85	-0.35	0.15	-0.58
US\$/GBP	0.73	-0.37	0.41	-6.88
US\$/SGD	1.35	0.42	0.63	1.82

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	757	884	666
HNX	148	143	97
UPCOM	88	84	44

### Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



### Nhận định thị trường

#### Lực bán mạnh trên 1,360 điểm

Mở cửa phiên, đà tăng trước đó tiếp tục ủng hộ giúp VN-Index tăng hơn 9 điểm, tuy nhiên lực bán mạnh xuất hiện khi chỉ số này vượt 1,360 điểm. Điều này đã khiến cho VN-Index chỉ đóng cửa tăng hơn 2 điểm, dừng chân tại mốc 1,352 điểm, tương ứng tăng 0,15% so với phiên trước. Thanh khoản khớp lệnh tăng 36% so với hôm qua, đạt 960 triệu đơn vị khớp lệnh với giá trị giao dịch tăng 26% đạt hơn 21,700 tỷ.

Nếu thị trường chứng khoán ở những phiên trước dòng tiền đổ mạnh vào nhóm cổ phiếu penny và đầu cơ, thì hôm nay nhóm cổ phiếu này chịu áp lực chốt lời mạnh mẽ của nhà đầu tư với nhiều mã cổ phiếu rơi vào trạng thái giảm sàn khi kết phiên. Ngược lại, nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn trong VN30 có phần khởi sắc hơn khi có đến 14 mã tăng điểm so với 13 mã giảm điểm. Tích cực nhất là MWG, GAS và TPB đều tăng hơn 2%, riêng MWG tăng 5%.

408 tỷ đồng là tổng giá trị bán ròng của khối ngoại trong phiên hôm nay trên cả 2 sàn HNX và HSX. Trong đó, HPG và KBC đứng đầu danh sách bán ròng với giá trị lần lượt 89 tỷ và 68 tỷ. Còn ở chiều ngược lại, hai cổ phiếu ngân hàng MBB và CTG đứng đầu chiều mua với giá trị lần lượt 75 tỷ và 60 tỷ.

Với việc vẫn giữ được sắc xanh vào cuối phiên trước áp lực chốt lời mạnh của nhà đầu tư đã giúp cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index tiếp tục được tăng lên từ +4 lên mức +5 với trạng thái đánh giá KHẢ QUAN. Mức P/E hiện tại đạt 16,4x.

**Trương Hoàng Tiến Hưng**, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
Kospi	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
Nikkei 225	-3	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-4	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

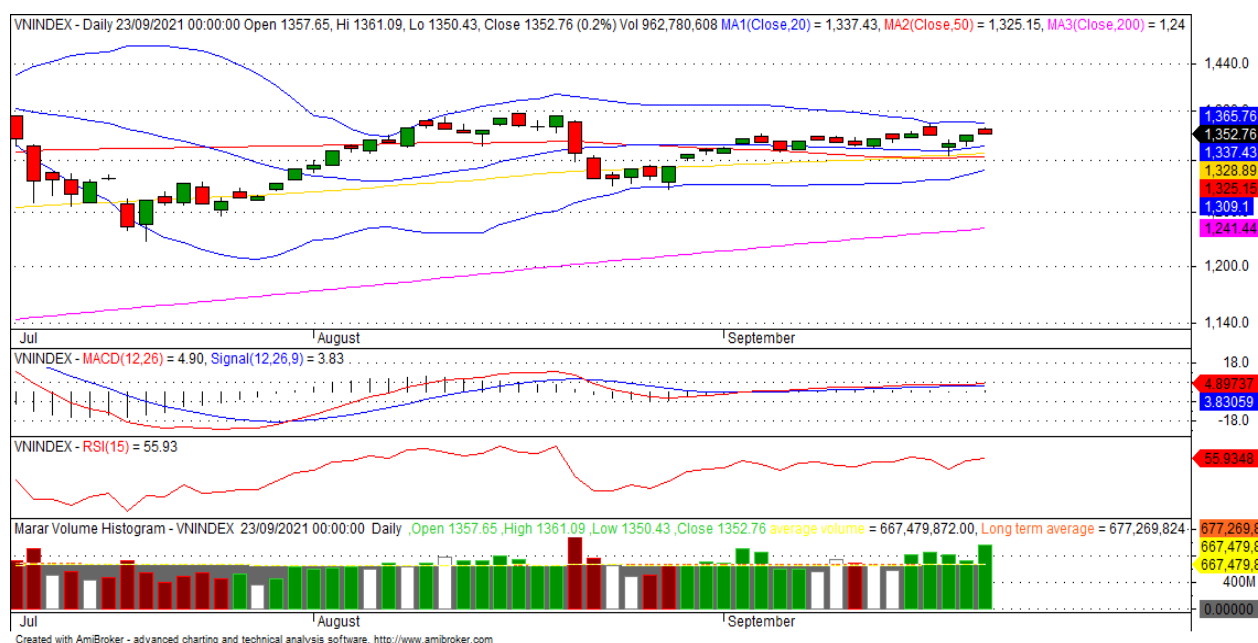
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá trị	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (23/09/2021)	1.352,8	Kháng cự 1	<b>1.380</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2	<b>1.420</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	<b>1.300</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	<b>1.270</b>

Tuy xuất hiện lực bán mạnh nhưng mốc 1,350 điểm vẫn được giữ khi kết phiên

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



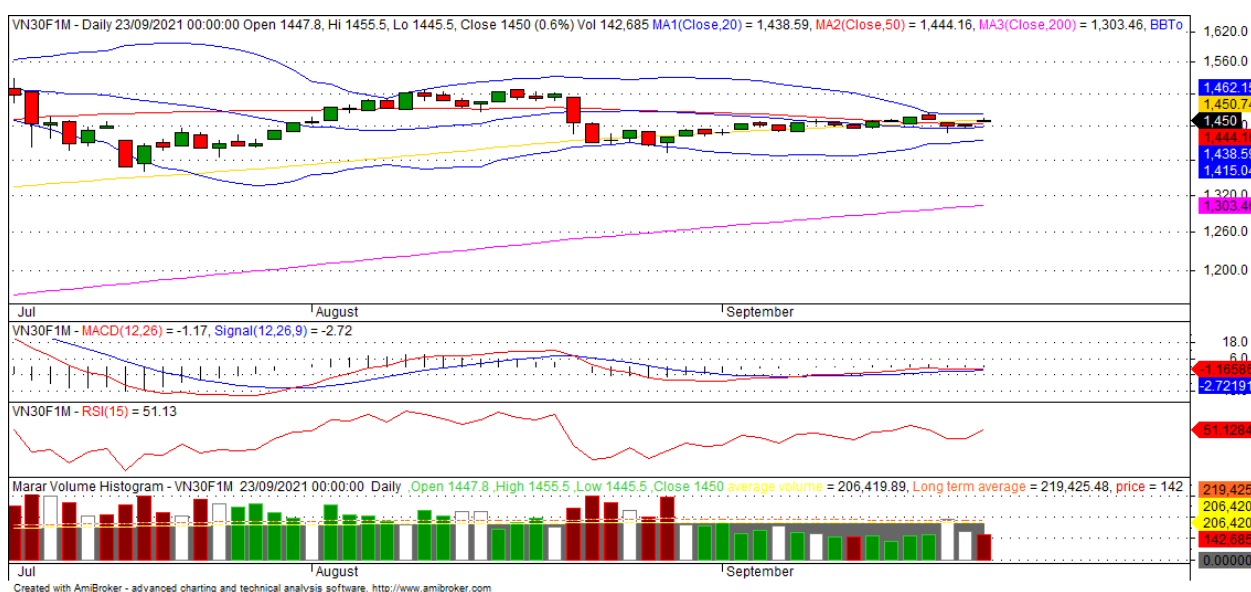
## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (23/09/2021)	1.450	Kháng cự 1 <b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TRUNG TÍNH</b>	Kháng cự 2 <b>1.550</b>
VN30 - đóng cửa	1.458	Hỗ trợ 1 <b>1.450</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-8,2</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.400</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart ngày)	4	<b>KHẢ QUAN</b>

VN30F1M sau một thời gian tích lũy dài trước đó, hiện đang cho nhiều tín hiệu bắt đầu một nhịp tăng mới

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.6	6,477,840	5	KHẢ QUAN	5,419	13.3	1.1
ACB	31.6	5,383,350	0	TRUNG TÍNH	85,382	8.8	2.1
APG	22.95	3,618,905	-4	TIÊU CỰC	1,679	17.8	2.1
APS	20	3,084,765	2	TRUNG TÍNH	1,170	9.5	1.9
ASM	16.2	5,905,765	-4	TIÊU CỰC	4,194	10.2	0.9
BCG	18.5	5,728,955	-4	TIÊU CỰC	5,504	5.9	1.5
BID	39.45	1,452,790	4	KHẢ QUAN	158,669	16.0	2.0
BII	24.3	4,655,100	-4	TIÊU CỰC	1,402	16.4	2.4
BSR	18.6	8,730,005	2	TRUNG TÍNH	57,669	#N/A N/A	1.9
BVH	57.8	1,328,790	6	KHẢ QUAN	42,906	22.9	2.1
CEO	10.7	5,655,175	2	TRUNG TÍNH	2,754	#N/A N/A	1.0
CII	17.55	3,347,370	-6	TIÊU CỰC	4,192	138.4	0.9
CTG	31.6	10,777,420	2	TRUNG TÍNH	151,862	9.2	1.6
CTR	83	790,775	3	TRUNG TÍNH	7,713	27.6	7.3
DBC	64	2,779,385	4	KHẢ QUAN	7,375	6.0	1.6
DCM	24.7	4,517,080	-6	TIÊU CỰC	13,076	21.1	1.9
DDV	31.6	4,637,615	-2	TRUNG TÍNH	4,617	162.1	3.7
DGC	155.9	1,127,230	0	TRUNG TÍNH	26,671	26.6	6.0
DGW	116.5	639,465	2	TRUNG TÍNH	10,299	25.3	7.4
DIG	31.8	10,088,235	-6	TIÊU CỰC	13,512	17.4	2.7
DPG	49.2	1,398,925	5	KHẢ QUAN	3,100	10.0	2.6
DPM	34.85	5,654,285	-6	TIÊU CỰC	13,638	12.0	1.6
DRC	33.2	2,324,950	-6	TIÊU CỰC	3,944	11.6	2.3
DXG	19.8	4,499,225	7	KHẢ QUAN	11,801	14.4	1.4
FCN	13.95	4,340,180	-4	TIÊU CỰC	1,750	12.4	0.8
FIT	13.95	12,452,225	-4	TIÊU CỰC	3,553	25.7	1.1
FLC	11.3	15,465,935	6	KHẢ QUAN	8,023	4.4	0.8
FPT	93.1	1,960,530	-2	TRUNG TÍNH	84,485	22.0	5.0
FRT	45.55	2,314,640	0	TRUNG TÍNH	3,598	54.0	2.8
GAS	90.6	831,455	2	TRUNG TÍNH	173,404	22.2	3.7
GEX	23.8	9,005,750	-6	TIÊU CỰC	18,592	13.7	1.9
GMD	50.2	3,952,695	-6	TIÊU CỰC	15,129	37.0	2.5
GVR	37.2	5,076,705	-6	TIÊU CỰC	148,800	31.5	3.1
HAH	65.4	2,106,825	-5	TIÊU CỰC	3,099	14.7	2.7
HBC	15.55	5,672,110	6	KHẢ QUAN	3,590	25.7	1.0
HCM	55.1	5,053,870	0	TRUNG TÍNH	16,808	19.0	3.5
HDB	25.4	2,270,630	0	TRUNG TÍNH	50,602	9.6	1.9
HDC	72.2	771,765	4	KHẢ QUAN	6,243	20.4	4.8
HDG	58.5	1,888,080	6	KHẢ QUAN	9,572	13.7	2.8
HHV	21.2	7,512,950	-2	TRUNG TÍNH	5,669	36.3	0.9
HNG	7.8	7,669,670	4	KHẢ QUAN	8,647	#N/A N/A	1.1
HPG	51	24,460,470	0	TRUNG TÍNH	228,119	9.1	3.1
HSG	46.5	13,732,195	2	TRUNG TÍNH	22,947	6.0	2.3
HT1	22.2	3,806,595	-4	TIÊU CỰC	8,470	13.4	1.5
IDC	50.6	5,448,825	2	TRUNG TÍNH	15,180	29.9	3.9
IJC	29.65	7,865,410	3	TRUNG TÍNH	6,437	8.4	2.0
ITA	7.94	14,717,895	2	TRUNG TÍNH	7,450	42.1	0.7
KBC	44.55	14,495,320	3	TRUNG TÍNH	20,928	24.6	2.0
KDC	58.2	2,366,540	-7	TIÊU CỰC	13,313	25.9	2.3
KDH	42	2,694,270	2	TRUNG TÍNH	26,170	21.4	3.0
KSB	34.9	3,205,265	0	TRUNG TÍNH	2,558	10.2	1.5
LCG	19.3	7,513,585	2	TRUNG TÍNH	2,224	6.1	1.2

LPB	22.4	5,484,125	2	TRUNG TÍNH	26,960	10.1	1.7
MBB	27.9	12,836,300	2	TRUNG TÍNH	105,415	10.1	2.0
MBS	34.2	2,447,645	-6	TIÊU CỰC	9,152	18.2	3.0
MSN	145	1,628,950	6	KHẢ QUAN	171,178	81.1	8.0
MWG	132	1,181,830	7	KHẢ QUAN	94,104	20.5	5.2
NKG	45	8,734,585	2	TRUNG TÍNH	9,828	6.6	2.1
NLG	42.25	2,366,930	-6	TIÊU CỰC	14,588	10.8	1.9
NTL	34.95	1,973,720	-4	TIÊU CỰC	2,132	7.0	1.9
NVL	103	2,321,765	-2	TRUNG TÍNH	151,781	28.6	4.5
ORS	27	2,202,380	0	TRUNG TÍNH	5,400	25.6	4.2
PC1	35.85	2,509,890	-4	TIÊU CỰC	6,854	10.4	1.6
PDR	80.6	3,277,965	-2	TRUNG TÍNH	39,234	27.8	7.0
PET	27	2,866,285	-4	TIÊU CỰC	2,426	12.7	1.5
PNJ	92.2	698,150	6	KHẢ QUAN	20,963	15.9	3.7
POW	11.75	12,724,680	-6	TIÊU CỰC	27,517	10.9	0.9
PVD	21.75	7,014,110	6	KHẢ QUAN	9,160	988.0	0.7
PVS	27.8	10,137,745	4	KHẢ QUAN	13,287	24.5	1.1
PVT	23.55	7,292,080	-5	TIÊU CỰC	7,622	10.1	1.6
QNS	54.1	1,094,895	5	KHẢ QUAN	19,310	15.6	2.5
REE	67	1,156,795	-2	TRUNG TÍNH	20,706	11.5	1.7
ROS	5.5	12,277,455	4	KHẢ QUAN	3,122	17.0	0.5
SBT	22.2	5,785,330	0	TRUNG TÍNH	13,967	20.8	1.8
SCR	13.1	12,833,700	4	KHẢ QUAN	4,799	16.4	1.0
SHB	26.8	14,177,015	4	KHẢ QUAN	51,605	13.9	1.9
SHS	38.6	5,267,115	-6	TIÊU CỰC	11,132	10.4	2.6
SSI	41.9	11,403,530	-6	TIÊU CỰC	41,178	22.5	3.7
STB	26.6	11,970,260	-2	TRUNG TÍNH	50,147	13.8	1.6
SZC	48.5	1,276,300	4	KHẢ QUAN	4,850	19.4	3.6
TCB	50.2	9,152,765	4	KHẢ QUAN	175,946	10.9	2.1
TCH	17.65	9,282,835	6	KHẢ QUAN	10,920	8.5	1.2
TDH	15.05	3,976,895	5	KHẢ QUAN	1,695	#N/A N/A	1.1
TLH	21.7	4,073,955	-2	TRUNG TÍNH	2,184	5.5	1.3
TNG	28.4	3,468,565	-7	TIÊU CỰC	2,259	12.8	1.8
TPB	41.55	6,660,215	7	KHẢ QUAN	48,683	9.9	2.2
VCB	99.5	921,880	6	KHẢ QUAN	369,033	18.0	3.5
VCI	63.2	5,098,415	0	TRUNG TÍNH	21,046	14.4	4.0
VGC	35.05	2,022,630	-2	TRUNG TÍNH	15,715	16.7	2.4
VGX	19.9	6,999,920	-5	TIÊU CỰC	9,950	34.9	1.6
VHC	50.5	2,644,365	-4	TIÊU CỰC	9,188	12.5	1.7
VHM	79.3	10,848,275	0	TRUNG TÍNH	345,301	10.3	3.5
VIC	87.1	3,030,715	-2	TRUNG TÍNH	331,434	49.3	3.6
VIX	18.75	4,263,340	0	TRUNG TÍNH	5,149	5.7	1.8
VJC	123.7	957,580	-4	TIÊU CỰC	66,997	444.0	3.9
VND	53.6	9,641,415	0	TRUNG TÍNH	22,996	12.4	3.8
VNM	90.8	3,503,015	6	KHẢ QUAN	189,768	19.9	6.0
VOS	21.25	4,430,025	-4	TIÊU CỰC	2,975	19.5	4.1
VPB	67	6,369,780	4	KHẢ QUAN	165,473	13.3	2.7
VRE	28.9	4,935,555	0	TRUNG TÍNH	65,670	24.2	2.2

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Fed sẽ 'sớm' siết mua trái phiếu, có thể tăng lãi suất từ 2022

Kết thúc cuộc họp chính sách trong hai ngày 21 - 22/9, Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC), cơ quan lập chính sách của Fed, thông báo giữ nguyên lãi suất ở 0 - 0,25% như dự đoán trên thị trường. Fed giảm lãi suất về 0 - 0,25% từ giữa tháng 3/2020. Lãi suất này được dùng để quyết định lãi cho vay mua nhà, thẻ tín dụng và nhiều khoản vay khác tại Mỹ. Các quan chức FOMC ám chỉ sẽ bắt đầu siết một số chính sách hỗ trợ nhưng không đưa ra mốc thời gian cụ thể. "Nếu tình hình chung tiếp tục cải thiện như dự báo, ủy ban cho rằng một đợt điều chỉnh vừa phải với mức độ mua tài sản có thể sớm diễn ra", FOMC cho biết trong thông báo sau cuộc họp. Việc siết hỗ trợ có thể được thông báo vào tháng 11 và bắt đầu thực hiện từ tháng 12. Fed còn cập nhật "dot plot", bảng ghi nhận dự báo lãi suất của các quan chức Fed, với khả năng lãi suất có thể tăng sớm hơn dự kiến. 9 trong số 18 quan chức ngân hàng trung ương Mỹ cho rằng cần tăng lãi suất trong năm 2022. Hồi tháng 6, dự báo trung bình là không có lần tăng lãi suất nào trước năm 2023.

### VMS: chốt quyền chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 12%, bán cổ phiếu VNA

Công ty cổ phần Phát triển Hàng Hải (Vimadeco, [HNX: VMS](#)) công bố quyết định HĐQT thông qua việc bán cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship ([UPCoM: VNA](#)). Tại BCTC bán niên soát xét, Vimadeco ghi nhận khoản chứng khoán kinh doanh có giá gốc đầu tư 968 triệu đồng gồm cổ phiếu VNA giá gốc 272,76 triệu đồng, VOS của Vận tải biển Việt Nam ([HoSE: VOS](#)) giá gốc 195 triệu đồng và VLG của Vinalines Logistics ([UPCoM: VLG](#)) là 500 triệu đồng. Doanh nghiệp mua các cổ phiếu này nhiều năm, cho đến 30/6 vẫn phải trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này 441 triệu đồng (giá hợp lý được xác định giá bình quân trên sàn UPCoM giá đóng cửa tại HoSE ngày 30/6). Tuy nhiên, cả 3 cổ phiếu này có đà bứt phá mạnh trong 3 tháng qua. Cổ phiếu VNA có đà tăng giá mạnh từ vùng 17.000 đồng/cp lên 39.800 đồng/cp, tức gấp 2,34 lần trong vòng 2 tháng; VOS tăng mạnh từ vùng dưới 7.400 đồng/cp lên 21.250 đồng/cp, VLG từ 5.500 đồng/cp lên 13.000 đồng/cp trong 3 tháng qua.

### NVL: muốn phát hành tối đa 500 tỷ đồng trái phiếu, đảm bảo bằng cổ phiếu NVL

HĐQT Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland, [HoSE: NVL](#)) vừa thông qua phương án phát hành tối đa 500 tỷ đồng trái phiếu được đảm bảo bằng cổ phiếu NVL và các tài sản khác (nếu cần thiết) thuộc sở hữu của Novagroup, cùng các cá nhân/tổ chức khác. Gần đây nhất vào cuối tháng 8, doanh nghiệp cũng vừa công bố Nghị quyết HĐQT phê duyệt phát hành tối đa 1.000 tỷ đồng trái phiếu cũng đảm bảo bằng cổ phiếu NVL của Novagroup - công ty kinh doanh bất động sản của Chủ tịch HĐQT Bùi Thành Nhơn. Trong tháng 7, tập đoàn đã phát hành 300 triệu USD trái phiếu chuyển đổi quốc tế, niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Singapore (SGX). Credit Suisse (Singapore) Limited là điều phối viên toàn cầu độc quyền (Sole Global Coordinator) và bên dựng sổ độc quyền (Sole Bookrunner). Cổ phiếu NVL hiện giao dịch vùng giá 102.500 đồng/cp, giảm 15% tính từ vùng đỉnh tháng 6 và tăng hơn gấp đôi so với cuối năm ngoái.

### NBB: mua lại trước hạn 50 tỷ đồng trái phiếu bán cho HDBank

Ngày 20/9, Đầu tư Năm Bảy Bảy ([HoSE: NBB](#)) vừa mua lại 50 tỷ đồng trái phiếu sau hơn 3 tháng phát hành cho HDBank. Đây là một phần trong lô trái phiếu 490 tỷ đồng, kỳ hạn 36 tháng, đáo hạn ngày 11/6/2024. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, có lãi suất cố định 11% trong năm đầu tiên, các kỳ trả lãi tiếp theo là định kỳ 6 tháng/lần với lãi suất tối thiểu 11%/năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản, quyền tài sản tại dự án Khu Dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi; quyền phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư giữa NBB và Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm; các cổ phiếu do công ty mẹ CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP HCM ([HoSE: CII](#)) sở hữu; và các tài sản khác. Hiện CII đang sở hữu 93,48% vốn tại Năm Bảy Bảy.

### GAS: hợp tác với doanh nghiệp Mỹ đầu tư dự án kho cảng LNG Sơn Mỹ 1,3 tỷ USD

Tổng công ty Khí Việt Nam (PV Gas, [HoSE: GAS](#)) thông báo đã cùng Tập đoàn AES (Mỹ) ký thoả thuận liên doanh thành lập và vận hành Công ty TNHH Kho cảng LNG Sơn Mỹ. Dự án Kho cảng LNG Sơn Mỹ nằm trong chuỗi dự án điện khí LNG tại tỉnh Bình Thuận, có tổng vốn đầu tư dự kiến là 1,31 tỷ USD, công suất kho cảng là 3,6 triệu tấn/năm (cho giai đoạn 1 và lên đến 9 triệu tấn vào giai đoạn tiếp theo). Kho cảng sẽ tiếp nhận, xử lý và cung cấp khí LNG tái hóa làm nhiên liệu cho 2 nhà máy điện Sơn Mỹ 1 và Sơn Mỹ 2, dự kiến được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2025. AES là tập đoàn năng lượng có trụ

sở tại bang Virginia, có tên trong danh sách 500 công ty lớn nhất Mỹ do tạp chí Fortune bình chọn (500 Fortune) và là một trong những công ty hàng đầu thế giới về lĩnh vực năng lượng. AES có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng hạ tầng điện khí, tham gia vào Việt Nam từ 2010, đã đầu tư vào dự án nhà máy điện than Mông Dương 2 với công suất 1.150 MW tại Quảng Ninh. Tập đoàn cũng đã được Chính phủ chấp thuận cho phép làm chủ đầu tư dự án Nhà máy điện Sơn Mỹ 2 sử dụng LNG.

#### **TNG chốt quyền phát hành 6,4 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020**

Dệt may TNG (HNX: TNG) thông báo 1/10 là ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 8% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được quyền nhận 8 cổ phiếu mới). Với gần 80 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự kiến phát hành thêm gần 6,4 triệu cổ phiếu mới. Nguồn vốn thực hiện là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020. Tại ngày 31/12/2020, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của TNG là hơn 124 tỷ đồng, ngoài ra công ty còn hơn 193 tỷ đồng quỹ đầu tư phát triển và 37,4 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần. Năm 2020, chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, doanh nghiệp dệt may báo cáo doanh thu giảm 2% xuống 4.480 tỷ đồng; lãi sau thuế giảm 33% xuống 154 tỷ đồng. Với kết quả này, HĐQT đã trình và được thông qua phương án chia cổ tức tổng tỷ lệ 16% gồm 8% cổ phiếu và 8% tiền mặt. Doanh nghiệp đã chia xong cổ tức tiền mặt 2020.

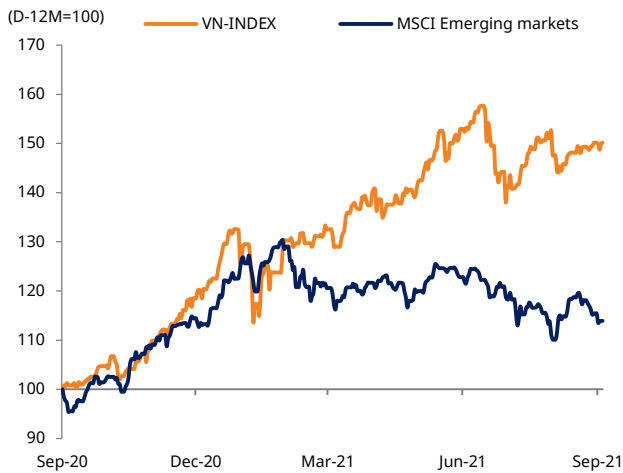
#### **HPG: thành lập công ty điện máy gia dụng vốn 1.000 tỷ đồng**

Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) thông báo quyết định HĐQT góp vốn thành lập Công ty cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng. Hòa Phát sẽ góp 999 tỷ đồng, tương ứng 99,9% vốn điều lệ. Doanh nghiệp lập công ty con này để thực hiện quản lý các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện lạnh, điện gia dụng. Trong năm 2020, tập đoàn đã tái cấu trúc phân thành 4 mảng hoạt động cho 4 tổng công ty phụ trách gồm gang thép (thép xây dựng, thép cuộn cán nóng), sản phẩm thép (ống thép, tôn mạ, thép rút dây, thép dự ứng lực), nông nghiệp và bất động sản. Trong nhóm công ty con cấp 2 thuộc Tổng công ty sản phẩm thép Hòa Phát cũng có công ty hoạt động trong lĩnh vực điện lạnh là Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát. Đơn vị này thành lập 2001, chuyên sản xuất tủ lạnh, tủ đông, tủ mát thương hiệu Hòa Phát và Funiki. Điện lạnh Hòa Phát có vốn điều lệ 150 tỷ đồng, 99,7% vốn thuộc sở hữu Tổng công ty sản phẩm thép Hòa Phát.

#### **PVT: ước lãi 93 tỷ quý III, giảm 58%**

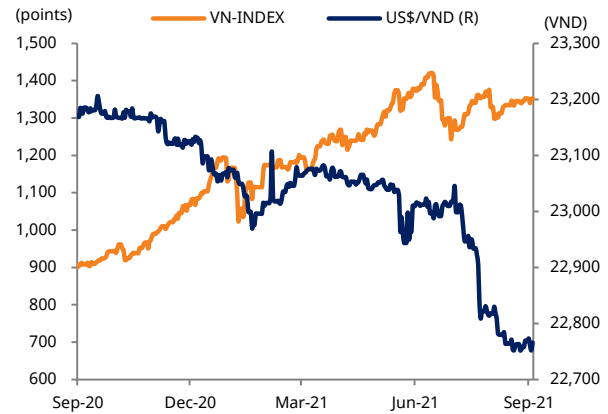
PV Trans (HoSE: PVT) công bố doanh thu 9 tháng ước đạt 5.430 tỷ đồng, thực hiện 91% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế 651 tỷ đồng, vượt 30% kế hoạch năm. So với cùng kỳ năm trước, doanh thu ước tăng 3,4% và lợi nhuận tăng 10,7%. Nửa đầu năm, doanh nghiệp báo cáo doanh thu 3.581 tỷ đồng, tăng 5,6%; lợi nhuận trước thuế 558,5 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ năm trước. Lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 354 tỷ đồng, tăng 35,6%. Như vậy nếu tính riêng quý III, doanh thu đạt khoảng 1.849 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ năm trước; lợi nhuận trước thuế 93 tỷ đồng, giảm 58% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả kinh doanh của PV Trans cũng bị ảnh hưởng từ đợt dịch Covid-19 bùng phát mạnh khiến TP HCM và nhiều tỉnh, thành phía Nam phải thực hiện giãn cách xã hội.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



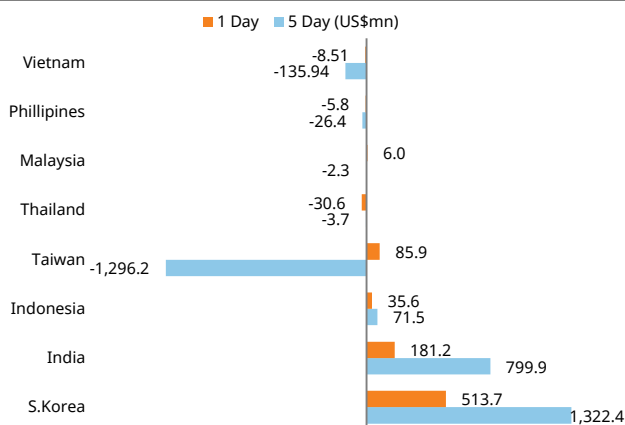
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



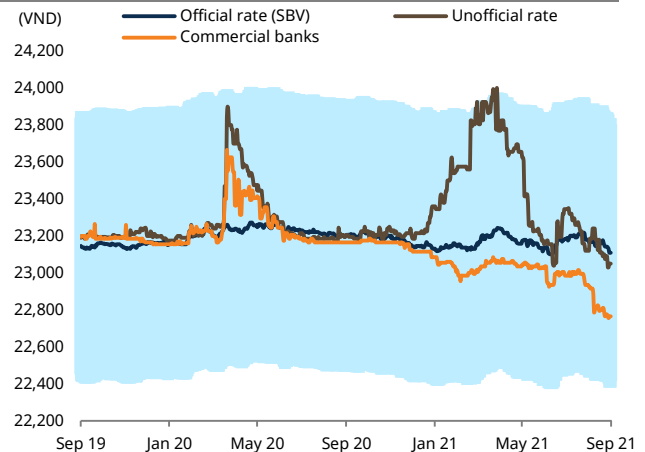
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



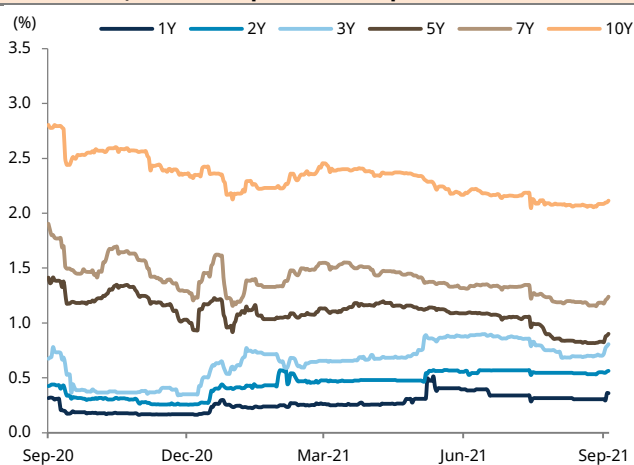
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



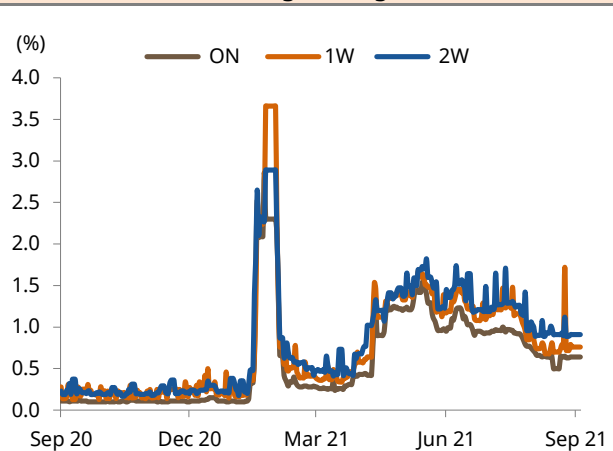
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset



**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,458.23</b>	<b>3,754,833</b>		<b>0.3</b>	<b>0.6</b>	<b>3.3</b>	<b>69.9</b>	<b>14.1</b>	<b>11.7</b>	<b>2.6</b>	<b>2.2</b>	<b>34.0</b>	<b>20.8</b>	<b>22.9</b>	<b>21.0</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	31,600	85,382	30.0	0.0	1.0	-1.3	75.6	8.6	7.1	1.9	1.5	30.6	21.6	25.1	24.1
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,450	158,669	16.6	-0.4	0.1	0.4	-4.7	17.1	12.1	1.8	1.7	59.8	41.0	13.2	17.0
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	57,800	42,906	26.7	-2.0	6.1	11.2	15.9	25.9	23.4	2.0	1.9	6.2	10.7	8.2	8.6
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	31,600	151,862	24.6	0.8	-0.2	-3.4	55.4	11.0	8.3	1.4	1.2	0.4	33.0	18.3	20.5
CTCP FPT	FPT VN	93,100	84,485	49.0	-0.1	-1.7	2.3	109.5	20.5	17.6	4.4	4.0	26.9	16.5	24.0	25.1
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	90,600	173,404	2.5	2.5	-2.2	5.6	24.6	19.8	16.0	3.5	3.2	13.4	24.3	18.1	20.5
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	37,200	148,800	0.6	0.5	-3.1	8.8	207.4	32.0	29.2	NA	NA	23.3	9.5	9.6	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	25,400	50,602	18.0	-0.2	1.2	-5.5	68.7	8.4	8.1	1.7	NA	41.4	4.3	22.2	21.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	51,000	228,119	26.1	0.2	-0.6	7.4	166.9	7.4	7.2	2.4	1.8	140.7	3.9	40.8	30.2
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	42,000	26,170	30.7	0.0	-1.6	10.5	88.2	25.1	18.5	2.9	2.4	-10.5	35.8	12.3	14.4
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	27,900	105,415	22.8	-0.4	0.4	-2.4	127.7	8.7	6.7	1.6	1.3	46.7	28.7	22.1	22.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	145,000	171,178	32.4	-1.4	-3.2	14.2	161.7	51.5	29.2	8.8	6.8	167.3	76.3	17.5	22.8
CTCP Thế giới di động	MWG VN	132,000	94,104	49.0	5.0	6.8	25.2	94.3	19.3	15.2	4.3	3.7	18.7	27.2	24.3	26.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	103,000	151,781	9.1	-0.1	-0.1	-1.8	122.2	35.5	19.0	4.3	3.4	-1.0	87.2	19.4	17.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	80,600	39,234	3.2	-0.5	-1.5	-1.9	164.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,200	63,784	17.6	0.2	-1.6	3.5	-2.7	17.1	15.0	NA	NA	328.0	14.2	16.0	16.1
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	92,200	20,963	48.0	-1.0	-0.9	4.2	45.4	19.5	15.5	3.6	3.1	9.5	25.9	20.2	23.4
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,750	27,517	2.9	-0.4	-0.4	11.4	13.0	13.1	10.4	0.9	0.8	-10.1	25.8	7.1	8.5
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	158,200	101,451	62.7	0.1	-1.7	13.0	-16.7	21.6	18.2	4.4	3.9	2.6	18.8	23.0	24.2
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	41,900	41,178	44.7	0.2	-1.4	0.0	279.8	21.4	19.2	NA	NA	51.0	11.7	17.3	17.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	26,600	50,147	15.7	-0.4	-0.6	-1.5	110.3	18.3	13.4	NA	NA	16.7	36.1	10.3	12.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	50,200	175,946	22.5	-0.6	2.2	3.0	125.1	10.5	8.7	1.9	1.6	36.2	20.0	20.4	20.2
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	41,550	48,683	30.0	3.6	7.5	22.9	114.2	9.4	7.9	1.9	1.5	30.4	19.1	23.2	21.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	99,500	369,033	23.5	0.0	1.4	2.3	16.5	18.7	14.7	3.2	2.6	18.8	27.6	19.7	20.1
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	79,300	345,301	22.9	1.7	-1.0	-3.8	33.0	10.3	9.4	2.8	2.2	20.3	10.1	32.0	26.9
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	87,100	331,434	14.0	1.2	-0.8	-9.5	3.7	89.1	50.3	3.7	3.4	-35.0	77.1	6.0	8.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	123,700	66,997	17.5	0.3	-1.8	2.8	16.2	NA	34.7	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	90,800	189,768	54.5	-0.8	5.1	5.6	-15.7	19.1	17.7	5.8	5.6	-0.2	8.0	32.7	33.9
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	67,000	165,473	15.4	0.3	3.1	10.6	181.5	13.0	11.0	2.0	1.7	20.5	17.9	22.9	16.6
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,900	65,670	29.6	1.6	-3.7	10.9	-0.7	26.1	18.1	2.2	2.1	5.7	43.9	6.8	10.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>2.08</b>	<b>5,159,798</b>	<b>0.2</b>	<b>0.5</b>	<b>4.1</b>	<b>48.2</b>	<b>16.0</b>	<b>12.7</b>	<b>2.6</b>	<b>2.2</b>	<b>33.1</b>	<b>26.0</b>	<b>20.4</b>	<b>19.4</b>
Ô tô và phụ tùng	-0.05	9,239	-2.1	-3.8	7.7	55.5	8.1	7.0	1.4	1.3	20.0	16.4	11.9	12.4
Ngân hàng	-0.23	1,592,180	-0.1	0.6	2.4	59.7	12.7	10.0	2.0	1.7	31.8	26.5	19.0	18.9
Xây dựng cơ bản	-0.45	209,825	-0.8	1.3	11.3	127.3	8.0	5.5	1.5	0.3	25.6	-0.5	7.5	7.3
Dịch vụ thương mại	0.00	5,283	0.2	0.0	8.2	38.5	7.4	5.8	NA	NA	10.8	39.0	9.3	12.3
May mặc và trang sức	-0.10	45,196	-0.8	-0.8	6.1	110.0	13.6	10.8	2.5	2.1	19.8	26.7	15.2	17.5
Dịch vụ tiêu dùng	-0.01	8,783	-0.5	0.0	6.3	31.2	NA	14.7	NA	NA	NA	NA	-9.5	3.8
Dịch vụ tài chính	0.06	143,158	0.2	-1.2	0.8	311.0	5.6	6.8	0.7	0.7	87.9	-12.4	3.8	3.8
Năng lượng	-0.03	84,996	-0.1	-0.3	8.8	19.8	41.1	15.9	0.2	0.2	NA	82.4	13.5	13.7
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-1.45	574,203	-0.9	1.0	9.9	45.3	27.0	18.0	5.4	4.6	60.6	34.4	20.9	22.7
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.03	1,626	-6.9	-0.1	17.7	84.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,847	0.0	0.5	0.4	-0.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.30	52,964	-2.1	7.5	12.9	23.3	22.4	20.4	1.8	1.7	10.3	9.6	7.6	7.9
Nguyên vật liệu	-0.42	555,610	-0.2	-1.2	10.5	181.4	14.1	13.2	1.5	1.1	NA	1.6	25.3	19.7
Giải trí và truyền thông	0.00	1,364	1.2	1.0	2.6	-26.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.23	38,456	0.3	3.8	16.5	31.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	3.00	1,165,600	2.3	1.5	6.6	23.1	9.6	8.4	1.6	1.4	4.3	14.2	8.7	9.2
Bán lẻ	1.20	103,966	0.9	-0.4	-1.5	50.5	58.2	22.5	2.7	6.5	12.9	NA	14.1	13.6
Phần mềm và dịch vụ	-0.06	92,003	4.5	6.7	23.7	89.8	18.8	14.6	4.0	3.5	30.8	28.5	22.5	24.9
Thiết bị và phần cứng	-0.04	10,299	-0.2	-2.2	4.4	108.9	18.8	16.2	4.1	3.7	31.1	16.6	22.0	23.0
Dịch vụ viễn thông	0.04	2,231	-1.3	1.3	37.9	335.5	23.3	18.0	6.7	5.2	61.1	29.0	30.9	26.2
Vận tải	-0.30	194,819	6.9	11.7	53.0	441.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	1.14	263,464	-0.5	-2.7	9.9	62.3	4.2	16.2	26.5	0.4	20.9	NA	-79.8	47.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	79,300	1.7	4,687,300	1.5
MWG VN	132,000	5.0	2,591,600	1.2
GAS VN	90,600	2.5	1,094,400	1.1
VIC VN	87,100	1.2	2,664,100	1.0
TPB VN	41,550	3.6	17,971,500	0.5
CTG VN	31,600	0.8	8,174,400	0.3
VRE VN	28,900	1.6	3,152,500	0.3
GVR VN	37,200	0.5	3,709,300	0.2
KBC VN	44,550	3.6	27,213,100	0.2
HCM VN	55,100	3.8	9,071,100	0.2

Nguồn: Bloomberg

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	145,000	-1.4	932,400	-0.6
DGC VN	155,900	-7.0	3,515,200	-0.5
VIB VN	37,800	-2.6	3,012,400	-0.4
VNM VN	90,800	-0.8	3,941,300	-0.4
TCB VN	50,200	-0.6	8,627,900	-0.3
BVH VN	57,800	-2.0	1,954,900	-0.2
HVN VN	25,600	-1.2	909,200	-0.2
EIB VN	24,300	-2.0	771,000	-0.2
BID VN	39,450	-0.4	1,084,600	-0.2
HNG VN	7,800	-5.5	12,548,100	-0.1

## Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.